TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày: 27-7-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp
2. Bà Huỳnh Phương Lan

Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Ngô Minh Tr, sinh năm 1975 (có mặt)

2.2. Bà Lê Thanh X, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vào ngày 29-6-2018 vợ chồng ông Ngô Minh Tr và bà Lê Thanh X có đến nhà bà Th hỏi vay số tiền 120.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận. Thời gian sau ông Tr và bà X có trả cho bà Th được số tiền 70.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng thì ông Tr, bà X nói khi nào bà Th cần tiền trả Ngân hàng thì ông Tr, bà X sẽ trả cho bà Th. Sau đó bà Th đã nhiều lần yêu cầu ông Tr, bà X trả số tiền 50.000.000 đồng nhưng ông Tr, bà X vẫn không trả nợ. Ngoài ra, ông Tr và bà X còn thuê mặt bằng đất của bà với thời gian 18 tháng, tổng cộng tiền thuê là 15.000.000 đồng đến nay chưa trả. Về việc thuê mặt bằng thì ông Tr có đổ đất để làm mặt bằng là 25 xe đất với giá tiền là 25.000.000 đồng, bà Th cũng đồng ý trừ

khoản tiền 25.000.000 đồng này sang khoản nợ 50.000.000 đồng là còn 25.000.000 đồng ông Tr, bà X còn nợ bà Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Tr, bà X về số tiền thuê đất là 15.000.000 đồng, bà chỉ yêu cầu ông Tr, bà X trả cho bà số tiền vay là 25.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

- *Bị đơn ông Ngô Minh Tr trình bày tại Tòa án:* Ông Tr thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà Phạm Thị Th số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 29-6-2018 và đã trả cho bà Th được 70.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Còn việc bà Th cho rằng vợ chồng ông thuê đất nhà bà Th là không có, mà là bà Th cho vợ chồng ông mượn mặt bằng nên vợ chồng ông đã đổ vào đất nhà bà Th 25 xe đất trị giá 25.000.000 đồng, rồi làm một cây nước và tráng nền xi măng diện tích khoảng 120m^2 nhưng do hai bên xảy ra mâu thuẫn nên ông không mượn mặt bằng của bà Th nữa. Nay bà Th đồng ý trừ tiền 25.000.000 đồng đổ đất vào số tiền vợ chồng ông còn nợ 50.000.000 đồng, ông cũng thống nhất vợ chồng ông còn nợ bà Th số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng, vợ chồng ông đồng ý trả cho bà Th số tiền trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và yêu cầu không tính lãi suất.

Tại Tòa án và tại phiên tòa bà Lê Thanh X vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Th đối với bị đơn ông Ngô Minh Tr và bà Lê Thanh X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 29-11-2019 bà Phạm Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu ông Ngô Minh Tr và bà Lê Thanh X trả cho bà số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng và tiền thuê đất là 15.000.000 đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Toà án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuê QSD đất.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Lê Thanh X không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bà X. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà X.

[2] *Về nội dung:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Tr, bà X về số tiền thuê đất là

15.000.000 đồng, bà chỉ yêu cầu ông Tr, bà X trả cho bà số tiền vay là 25.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất, Toà án nhận thấy:

Vào ngày 29-6-2018 ông Tr và bà X có vay của bà Th số tiền 120.000.000 đồng, sau đó ông bà có trả cho bà Th được 70.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Vợ chồng ông Tr có đổ đất cho bà Th 25 xe đất trị giá 25.000.000 đồng và hai bên thống nhất cấn trừ vào số tiền nợ 50.000.000 đồng. Tại Tòa án ông Tr cũng thừa nhận là vợ chồng ông còn nợ bà Th 25.000.000 đồng vốn gốc nhưng xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 1.000.000 đồng và yêu cầu không tính lãi suất. Bà Th không đồng ý cho vợ chồng ông Tr trả dần số tiền trên.

Do đó, việc bà Th yêu cầu ông Tr, bà X trả số tiền vay gốc 25.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Tr, bà X về số tiền thuê đất là 15.000.000 đồng nên HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[5] Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th; buộc ông Ngô Minh Tr và bà Lê Thanh X phải trả cho bà Phạm Thị Th số tiền vay gốc 25.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả nợ dần của các đương sự không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc ông Tr, bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà Th là: 25.000.000 đồng x 5% = 1.250.000 đồng.

Bà Phạm Thị Th không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng cho bà Th theo biên lai thu số 0005371 ngày 04-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466, 469 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th.

2. Buộc ông Ngô Minh Tr và bà Lê Thanh X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Th số tiền vay gốc 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Tr và bà X không trả số tiền trên thì còn phải trả cho bà Th khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th đối với ông Ngô Minh Tr và bà Lê Thanh X về số tiền thuê đất 15.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Minh Tr và bà Lê Thanh X có nghĩa vụ liên đới nộp án phí 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Phạm Thị Th không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng cho bà Th theo biên lai thu số 0005371 ngày 04-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân